

Yếu tố ảnh hưởng tới sự tham gia của cộng đồng các dân tộc thiểu số trong giảm nghèo

(Trường hợp ở huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai)

PHẠM BẢO DƯƠNG
GIẢNG SEO CHÂU

Si Ma Cai là một huyện nghèo, có trên 90% là cộng đồng các dân tộc thiểu số (Hmông, Nùng, Thu Lao¹) sinh sống, có điều kiện kinh tế xã hội rất khó khăn. Các chương trình, chính sách hỗ trợ giảm nghèo như Chương trình 134, Chương trình 135, Nghị quyết 30a,... đã góp phần nâng cao đời sống cho người dân, làm giảm đáng kể tỷ lệ nghèo của huyện từ 62,52% năm 2010 xuống còn 43,87% năm 2012 (Bộ Lao động, thương binh và xã hội, 2013), bình quân mỗi năm giảm 9,3%. Tuy nhiên, kết quả giảm nghèo chưa bền vững, tái nghèo thường xuyên xảy ra ở một bộ phận cộng đồng dân tộc thiểu số; sự tham gia của cộng đồng các dân tộc thiểu số trong các chương trình giảm nghèo còn hạn chế, xuất hiện tâm lý trông chờ, ỷ lại vào Nhà nước, không cố gắng thoát nghèo. Trên cơ sở đánh giá thực trạng, phân tích các yếu tố ảnh hưởng, bài viết đề xuất một số giải pháp nhằm phát huy sự tham gia của cộng đồng các dân tộc thiểu số trong giảm nghèo ở Si Ma Cai nói riêng và trên phạm vi cả nước nói chung.

1. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

1.1. Cách tiếp cận

Tiếp cận theo dân tộc, giới tính và vùng được sử dụng xuyên suốt trong quá trình nghiên cứu. Cách tiếp cận này giúp đánh giá sự tham gia của cộng đồng các dân tộc thiểu số trong các hoạt động giảm nghèo của từng cá nhân, gia đình, dòng họ, vùng; đồng thời so sánh mức độ tham gia giữa nam và nữ, giữa các vùng khác nhau trong huyện; thấy được sự bất bình đẳng về giới, từ đó đề xuất giải pháp nhằm nâng cao vị thế, vai trò của nữ giới trong cộng đồng các dân tộc thiểu số với giảm nghèo.

1.2. Phương pháp nghiên cứu

Thông tin về sự tham gia của cộng đồng các dân tộc thiểu số trong các hoạt động giảm nghèo được thu thập thông qua các tài liệu thống kê, các báo cáo của huyện và các cơ quan có liên quan. Năm 2013, nhóm nghiên cứu lựa chọn 3 xã có cộng đồng các dân tộc thiểu số sinh sống đại diện cho huyện Si Ma

Cai (xã Mản Thán: dân tộc Hmông, xã Sín Chéng: dân tộc Hmông và Nùng, xã Nàn Sán: dân tộc Nùng và Thu Lao) làm điểm nghiên cứu. Tiến hành thảo luận nhóm có sự tham gia (PRA) với cán bộ và người dân. Phỏng vấn trực tiếp 6 cán bộ huyện, 18 cán bộ xã, 9 cán bộ thôn, 6 người có uy tín trong cộng đồng và 120 thành viên cộng đồng-dân tộc thiểu số gồm 50 thành viên dân tộc Hmông, 40 thành viên dân tộc Nùng, 30 thành viên dân tộc Thu Lao có đủ các thành phần nam nữ, hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ không nghèo.

Số liệu và thông tin thu thập được xử lý bằng phần mềm SPSS với các phương pháp phân tích thống kê mô tả, phương pháp so sánh để thấy được mức độ tham gia của cộng đồng dân tộc thiểu số trong các hoạt động giảm

Phạm Bảo Dương, PGSTS., Trường đại học Nông nghiệp Hà Nội; Giảng Seo Châu, ThS, huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai.

1. Thu Lao là một nhóm địa phương của dân tộc Tày.

nghèo, sự khác nhau giữa các cộng đồng dân tộc thiểu số, giữa nam và nữ, giữa các xã, từ đó xác định yếu tố ảnh hưởng để đề xuất giải pháp.

2. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

2.1. Thực trạng tham gia của cộng đồng các dân tộc thiểu số trong giảm nghèo ở huyện Si Ma Cai

2.1.1. Xác định nhu cầu và lập kế hoạch

Cộng đồng các dân tộc thiểu số tham gia xác định nhu cầu trong giảm nghèo khác nhau. Dân tộc Hmông tham gia nhiều nhất với 28,82%, dân tộc Nùng với 19,06% và dân tộc Thu Lao chỉ có 11,06%. Xét theo giới thì nam tham gia nhiều nhất với 80,08%, nữ chỉ có 19,81%. Tuy nhiên, cộng đồng các dân tộc thiểu số rất ít tham gia xác định nhu cầu trong các hoạt động xây dựng mô hình khuyến

nông, tập huấn khuyến nông và dạy nghề.

Kết quả (bảng 1) cho thấy cộng đồng các dân tộc thiểu số tham gia lập kế hoạch để giảm nghèo chưa nhiều. Bình quân chung, tỷ lệ nam dân tộc Hmông (68,34%) và tỷ lệ nữ dân tộc Nùng (51,2%) tham gia lập kế hoạch nhiều nhất. Phụ nữ dân tộc Thu Lao chỉ có 10,8% tham gia lập kế hoạch. Như vậy, cộng đồng các dân tộc thiểu số tham gia lập kế hoạch giảm nghèo có sự tham gia khác nhau giữa nam và nữ trong các cộng đồng dân tộc khác nhau. Các hoạt động xây trường học, xây trạm y tế, xây chợ, làm công trình thủy lợi, cấp thẻ bảo hiểm y tế, hỗ trợ pháp lý, xây dựng mô hình khuyến nông, đào tạo nghề, xuất khẩu lao động cộng đồng dân tộc thiểu số không tham gia lập kế hoạch vì chủ yếu là cán bộ xã làm hoặc chủ đầu tư xây dựng kế hoạch.

BẢNG 1: Cộng đồng dân tộc thiểu số tham gia lập kế hoạch giảm nghèo (%)

Các hoạt động giảm nghèo	Hmông		Nùng		Thu Lao	
	Nam n = 37	Nữ n = 13	Nam n = 30	Nữ n = 10	Nam n = 17	Nữ n = 13
Xây nhà văn hóa	100	60	67,4	50	100	0
Làm đường giao thông	81,1	62,3	66,7	50	64,7	10
Làm công trình nước sạch	81,1	44,6	70	90	52,9	21
Xây dựng nhà ở	47,5	20	50	43	45	13
Vay vốn tín dụng	32	18	43	23	56	10
Bình quân	68,34	40,98	59,42	51,2	63,72	10,8

Nguồn: Số liệu điều tra của tác giả, năm 2013.

2.1.2. Phân cấp đầu tư giảm nghèo

Trong thời gian qua huyện Si Ma Cai có nhiều cố gắng để thực hiện phương châm nhà nước và nhân dân cùng làm. Bước đầu trao quyền cho cộng đồng tham gia thực hiện các hoạt động giảm nghèo. Phát huy sự tham gia của cộng đồng các dân tộc thiểu số vào các chương trình giảm nghèo tại địa phương. Tuy

nhien, việc phân cấp thực hiện về cơ bản vẫn còn nhiều bất cập, cộng đồng dân tộc thiểu số chưa thực sự được trao quyền để thực hiện các hoạt động một cách đầy đủ. Phần lớn các công trình đầu tư, các chương trình dự án vẫn do các cấp huyện làm chủ đầu tư (chiếm 55,56%) và cấp xã (chiếm 41,69%) cấp thôn bản chỉ chiếm tỷ lệ rất nhỏ (bảng 2).

BẢNG 2: Đánh giá của cán bộ về phân cấp thực hiện các chương trình giảm nghèo (%)

Phân cấp làm chủ đầu tư	Huyện	Xã	Thôn	Bình quân
- Huyện làm chủ đầu tư	56	53,33	57,35	55,56
- Xã làm chủ đầu tư	38,5	45,59	40,98	41,69
- Thôn bản làm chủ đầu tư	5,5	1,08	1,67	2,75

Nguồn: Số liệu điều tra của tác giả, năm 2013.

2.1.3. Triển khai thực hiện, theo dõi, giám sát và đánh giá

Cộng đồng tham gia triển khai thực hiện nhiều nhất ở hoạt động làm đường giao thông, làm công trình nước sinh hoạt, tập huấn khuyến nông. Nam giới dân tộc Hmông tham gia nhiều nhất (bình quân chung là 46,14%) gấp 1,18 lần so với dân tộc Nùng và gấp 2 lần so với dân tộc Thu Lao. Đối với nữ giới thì dân tộc Nùng tham gia nhiều hơn (bình quân là 32,33%) gấp 1,95 lần so với dân tộc Hmông và gấp 2,67 lần dân tộc Thu Lao. Dân tộc Hmông ở xã Mản Thẩn đóng góp tiền làm đường là nhiều nhất, trung bình là 3.589 nghìn đồng/hộ, số công tham gia làm đường là 62 ngày công/hộ, diện tích đất hiếm làm đường là 150m²/hộ. Trong khi đó cộng đồng dân tộc Hmông ở xã Sín Chéng chỉ đóng góp tiền trung bình là 1.288 nghìn đồng/hộ và trung bình là 23 ngày công/hộ, diện tích đất hiếm làm đường là 50m²/hộ. Cộng đồng dân tộc Nùng và Thu Lao có số lượng đóng góp rất ít. Các hoạt động xây dựng trường học, trạm y tế, bảo hiểm y tế, xây dựng mô hình khuyến nông cộng đồng tham gia triển khai ít.

Sự tham gia của cộng đồng các dân tộc thiểu số vào công tác quản lý, giám sát còn hạn chế và gặp nhiều khó khăn. Trong các hoạt động triển khai tại địa phương thì cộng đồng chỉ tham gia giám sát các hoạt động làm đường giao thông, công trình thủy lợi, nước sinh hoạt. Bình quân, dân tộc Hmông có 33,75% nam và 12,83% nữ, dân tộc Nùng có 28,35% nam và 25% nữ, dân tộc Thu Lao có 41,2% nam. Công tác tuyên truyền, vận động cộng đồng các dân tộc thiểu số tham gia theo dõi giám sát chưa được quan tâm đúng mức nên nhiều người dân còn thể hiện thái độ thờ ơ, cho đó là trách nhiệm của cơ quan chức năng chứ không phải việc của họ. Hiện nay ở các xã, thôn đều có Ban giám sát đầu tư cộng đồng nhưng hầu như không thấy Ban này hoạt động.

2.1.4. Hưởng lợi, quản lý và sử dụng

Các hoạt động hỗ trợ đầu vào sản xuất, tập huấn khuyến nông, vay vốn và làm đường giao thông cộng đồng đều được hưởng

lợi. Riêng miễn giảm học phí và bảo hiểm y tế thì 100% cộng đồng đều được hưởng lợi ở cả nam và nữ.

Cộng đồng đã có ý thức tham gia quản lý các công trình nhà trường ở thôn bản, đường giao thông, nhà văn hóa, công trình thủy lợi, nước sinh hoạt. Ở dân tộc Hmông và Nùng thì sự tham gia giữa nam và nữ không khác nhau nhiều. Còn dân tộc Thu Lao thì tỷ lệ nam giới tham gia nhiều gấp 1,72 lần so với nữ. Tuy nhiên, việc quản lý các công trình chủ yếu là cán bộ và người có uy tín trong cộng đồng. Ở xã thôn nào mà người có uy tín và cán bộ làm tốt thì ở đó các công trình được bảo vệ, quản lý tốt hơn. Vì vậy, cần phải phát huy vai trò của người có uy tín để vận động cộng đồng tham gia quản lý các sản phẩm giảm nghèo.

2.2. Các yếu tố ảnh hưởng tới sự tham gia của cộng đồng các dân tộc thiểu số trong giảm nghèo

2.2.1. Phong tục tập quán

Cộng đồng dân tộc thiểu số có ý thức đoàn kết, tương trợ giúp đỡ nhau, có tính cộng đồng cao, tôn trọng người có uy tín, ... có ý nghĩa tích cực đối với việc thực hiện các hoạt động giảm nghèo. Tuy nhiên, cộng đồng dân tộc thiểu số vẫn duy trì nhiều tập quán lạc hậu cản trở họ tham gia vào các hoạt động giảm nghèo.

Thứ nhất, duy trì tập quán sản xuất lạc hậu, tự cung tự cấp: trong trồng trọt có 45,73% cộng đồng dân tộc thiểu số vẫn theo cách làm cũ, chỉ có 3,33% áp dụng kỹ thuật mới, 20,33% áp dụng giống mới. Có 13,44% quan tâm tới việc tìm kiếm thị trường đầu ra và 15,5% tìm cách nâng cao chất lượng cho sản phẩm. Cộng đồng dân tộc chỉ biết đến ngày chợ phiên là mang 1 đến 2 con vật nuôi ra chợ bán. Nên thường xuyên bị những người thu mua ép giá, bán với giá thấp. Nguyên nhân do cộng đồng dân tộc thiểu số ở đây vẫn sống khép kín, sản phẩm chỉ để tiêu dùng cho gia đình là chính. Không mở rộng quy mô sản xuất hàng hóa để trao đổi, buôn bán.

HỘP 1: Sản phẩm sản xuất ra chỉ để tiêu dùng

90% cộng đồng cho rằng: sản phẩm gỗ thóc sản xuất ra chỉ để tiêu dùng trong gia đình, rất ít khi mang đi bán. Các sản phẩm từ chăn nuôi chỉ thỉnh thoảng thiếu tiền thì mang đi bán, không bán tập trung nên không quan tâm tới việc tìm kiếm đầu ra và nâng cao chất lượng sản phẩm. Chủ yếu là chăn nuôi các giống vật nuôi đã có sẵn và thả rông để chúng tự do giao phối với nhau. Không hề có áp dụng kỹ thuật thụ tinh và lai tạo trong chăn nuôi.

Nguồn: Kết quả thảo luận nhóm tại xã Mãn Thán, năm 2013.

Thứ hai, tính bảo thủ, tự ty, thụ động không quan tâm tới các chương trình giảm nghèo. Ở cộng đồng dân tộc Hmông có tỷ lệ quan tâm vào giảm nghèo nhiều nhất chiếm tới 84%, dân tộc Thu Lao có 63,33%, dân tộc Nùng lại có tỷ lệ quan tâm ít chỉ có 30%. Nhưng phần lớn lại muốn trở thành hộ nghèo để được hưởng hỗ trợ từ nhà nước.

HỘP 2: Người nghèo không muốn thoát nghèo

Hầu hết cộng đồng dân tộc thiểu số đều được nhận các chương trình hỗ trợ giảm nghèo của nhà nước. Nhưng tỷ lệ giảm nghèo ở huyện vẫn chưa nhanh và bền vững. Hiện nay có một bộ phận cộng đồng dân tộc thiểu số không muốn thoát nghèo, chỉ muốn xin được vào hộ nghèo để nhận hỗ trợ của Nhà nước.

Nguồn: Kết quả thảo luận nhóm cán bộ tại Phòng Dân tộc huyện Si Ma Cai, năm 2013.

Hiện nay nhiều người dân tộc thiểu số được hưởng quá nhiều các chính sách của nhà nước, mặc dù họ không phải làm gì cũng được hưởng nên xuất hiện tình trạng trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của nhà nước.

Thứ ba, các tập tục cưới xin, ma chay, thờ cúng gây tốn kém nhiều tiền của. Chi phí trung bình cho một đám cưới là gần 25 triệu đồng, đám ma là gần 10 triệu đồng.

Có những trường hợp đám ma phải mổ trâu, bò thì chi phí đến 50 triệu đồng. Chi phí trung bình mỗi lần cúng ma của dân tộc Hmông là 0,76 triệu đồng, dân tộc Nùng là 1,3 triệu đồng, dân tộc Thu Lao là 1 triệu đồng. Những phong tục này đã làm cho cuộc sống của họ trở nên khó khăn hơn. Nhưng, cộng đồng các dân tộc thiểu số không bỏ được các phong tục đó vì tập tục của gia đình và dân tộc, vì tin tưởng vào thầy mo.

Thứ tư, tình trạng sinh con đông còn phổ biến, số nhân khẩu trung bình của dân tộc Nùng là cao nhất với 6,02 nhân khẩu/hộ, dân tộc Hmông là 5.66 nhân khẩu/hộ, Thu Lao là 5,43 nhân khẩu/hộ. Ngược lại, lao động trung bình trong cộng đồng các dân tộc thiểu số có 2,8 lao động/hộ. Số nhân khẩu đông, số lao động ít, mỗi lao động phải nuôi từ một đến hai người gây khó khăn cho gia đình. Trong cộng đồng dân tộc thiểu số đông người phụ thuộc là một trong những nguyên nhân gây nên tình trạng nghèo đói.

Thứ năm, cộng đồng dân tộc thiểu số không thích đi làm ăn xa, chỉ muốn ở nhà. Cộng đồng dân tộc tham gia xuất khẩu lao động với số lượng thấp: Hmông 4%, Nùng 10%, Thu Lao 3,33%; số đi làm thuê ở Trung Quốc của dân tộc Nùng là cao nhất chiếm 50%, dân tộc Hmông có 22%, dân tộc Thu Lao có 40%, nhưng công việc không ổn định thường đi 1 đến 2 tuần lại về nhà, người đi lâu chỉ được 1 đến 2 tháng.

HỘP 3: Phụ nữ bỏ địa phương và người dân đi Trung Quốc làm thuê

Hết quý I năm 2013, có 26 người phụ nữ bỏ địa phương đi lấy chồng Trung Quốc. Số người đi làm thuê Trung Quốc là 598 người. Riêng xã Mãn Thán có 44 người, xã Sín Chéng có 52 người, xã Nàn Sán có 46 người. Số hộ đi cả gia đình là 8 hộ với 29 nhân khẩu, đi cả vợ chồng là 55 cặp vợ chồng.

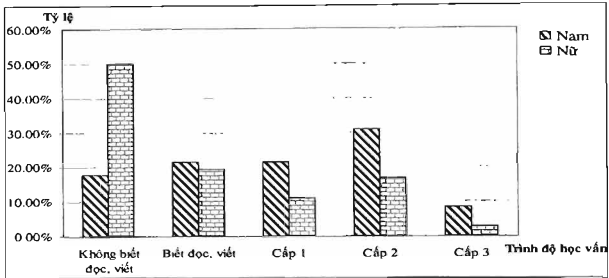
Nguồn: Huyện ủy Si Ma Cai, Báo cáo công tác nội chính quý I, năm 2013.

2.2.2. Năng lực của cộng đồng các dân tộc thiểu số

Hầu hết các thành viên cộng đồng dân tộc thiểu số có trình độ học vấn thấp, tỷ lệ mù chữ, cấp 1 và cấp 2 chiếm cao, nhất là phụ nữ (hình 1). Cộng đồng không biết đọc, viết không tham gia vào giảm nghèo chiếm 34,72%, nhiều hơn người có trình độ cấp 3 là 7,75 lần. Tỷ lệ phụ nữ không biết đọc, viết cao (chiếm 50%). Điều đó gây cản trở sự tham gia

của phụ nữ vào giảm nghèo, nhất là các hoạt động đòi hỏi phải có trình độ. Do vậy, phụ nữ tham gia các hoạt động ít hơn so với đàn ông nhất là trong các khâu lập kế hoạch, theo dõi giám sát. Vai trò của phụ nữ chưa được khai thác và phát huy trong các hoạt động giảm nghèo. Cần phải có hình thức đào tạo, cũng như cơ chế chính sách phù hợp để nâng cao năng lực và vị thế của phụ nữ trong việc thực hiện giảm nghèo.

HÌNH 1: Trình độ của cộng đồng dân tộc thiểu số theo theo giới tính



Nguồn: Số liệu điều tra của tác giả, năm 2013.

2.2.3. Khả năng tiếp cận nguồn lực

Nguồn lực thấp và khả năng tiếp cận nguồn lực của cộng đồng dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn. Khó khăn lớn nhất của cộng đồng là thiếu vốn trong sản xuất dân tộc Hmông chiếm 90%, dân tộc Nùng chiếm 87,5%, dân tộc Thu Lao chiếm 85,7%. Do nguồn lực thấp nên khó tiếp cận với các loại đầu vào như phân bón, giá các loại giống năng suất cao. Hàng năm họ chỉ chờ vào giống hỗ trợ của Nhà nước. Khả năng tiếp cận vốn vay từ ngân hàng của cộng đồng dân tộc Hmông thấp hơn so với dân tộc Nùng và Thu Lao. Ngoài các khoản vốn vay từ Ngân hàng Chính sách và xã hội, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn ra hiện nay chưa có tổ chức tín dụng nào để nhận dân vay vốn. Mặt khác các điều kiện cơ sở hạ tầng phục vụ đời sống còn nhiều khó khăn

cũng làm hạn chế khả năng tiếp cận các điều kiện từ bên ngoài để giảm nghèo.

2.2.4. Cơ chế, chính sách giảm nghèo

Hầu hết các chương trình chính sách giảm nghèo hiện nay đang triển khai có nguồn vốn đầu tư thấp (54,8% nam, 32,4% nữ). Các chính sách chỉ có người nghèo được hưởng lợi tỷ lệ này ở nữ là 66,66% cao hơn nam giới chỉ có 47,62%. Mức hỗ trợ cho hộ nghèo thì thấp, không đủ để thoát nghèo, nhưng lại gây ra nhiều mâu thuẫn giữa các nhóm hộ nghèo với hộ không nghèo. Người nghèo thì cứ muốn nghèo để được hỗ trợ, nhưng những hộ gia đình tích cực thoát nghèo thì lại chẳng được hỗ trợ gì. Do vậy, việc triển khai thực hiện các hoạt động giảm nghèo ở cơ sở rất khó khăn. Mặt khác cách thức xác định dân tượng, hình thức đóng góp và mức đóng góp chưa phù hợp (78,3% nam và 52,9% nữ) nên

Yếu tố ảnh hưởng ...

không lôi cuốn và huy động tối đa sự tham gia của cộng đồng các dân tộc thiểu số (85,7%

nam và 94,1% nữ) vào các hoạt động giảm nghèo (bảng 3).

Bảng 3: Đánh giá của cộng đồng dân tộc thiểu số về cơ chế chính sách (%)

Chỉ tiêu	Nam	Nữ
Nguồn vốn đầu tư thấp	54,80	32,40
Chỉ có người nghèo được hưởng lợi	47,62	66,66
Hình thức huy động đóng góp chưa phù hợp	78,30	52,90
Không khuyến khích người dân tham gia	85,70	94,10

Nguồn: Số liệu điều tra của tác giả, năm 2013.

Do vẫn thực hiện theo hình thức lập kế hoạch từ trên xuống nên việc triển khai các hoạt động chủ yếu do cấp trên quyết định. Cụ thể: cộng đồng dân tộc Hmông có 54% cho

rằng kế hoạch do xã, huyện làm, tỷ lệ này ở dân tộc Nùng là 37,5 %, dân tộc Thu Lao là 33,3% (bảng 4). Các ý kiến khác cho thấy không tham gia do không biết, không đi họp.

BẢNG 4: Lý do không tham gia xác định nhu cầu giảm nghèo (%)

Chỉ tiêu	Theo dân tộc			Theo giới tính	
	Hmông	Nùng	Thu Lao	Nam	Nữ
Xã, huyện làm	54,0	37,5	33,3	11,9	83,3
Không biết	10,0	20,0	30,0	10,7	36,1
Biết nhưng bận việc	20,0	20,0	53,3	19,0	50,0
Không đi họp	50,0	12,5	50,0	17,9	83,3
Lý do khác	2,0	12,5	20,0	7,1	16,7

Nguồn: Số liệu điều tra của tác giả, năm 2013.

Các chương trình giảm nghèo chưa thực sự trao quyền cho cộng đồng để họ chủ động thực

hiện các hoạt động một cách chủ động, vẫn phải phụ thuộc vào chính quyền địa phương.

HỘP 5: Cộng đồng không được chủ động

Nhân dân đều rất háng hái tham gia góp công, góp của để làm đường giao thông liên thôn vì từ trước tới giờ mới được Nhà nước đầu tư cho con đường bê tông vào trong thôn để thuận tiện cho việc đi lại. Nhưng khi triển khai thực hiện thì thường xuyên thiếu vật liệu cát sỏi, không có đủ máy móc cho dân làm nên dù đã thi công được 1 năm nhân dân mới đổ bê tông được 1km, nhân dân bây giờ cũng nản không muốn đi làm nữa. Nếu xã có đủ vật liệu thì con đường này đã hoàn thành rồi.

Nguồn: Kết quả thảo luận nhóm hộ dân tộc Nùng ở thôn Dội 3, xã Nàn Sán, huyện Si Ma Cai.

2.2.5. Năng lực thực thi chính sách của chính quyền địa phương

Tỷ lệ dân tộc Hmông đánh giá năng lực cán bộ tốt và trung bình đạt 50%, dân tộc Nùng đánh giá năng lực cán bộ tốt chỉ có

24%, còn dân tộc Thu Lao đánh giá tốt là 46,67%. Tỷ lệ người dân biết đến Ban giảm nghèo của xã ở cộng đồng dân tộc Nùng là cao nhất chiếm 62,5%, dân tộc Hmông có 46%, dân tộc Thu Lao biết ít nhất chỉ có

26,67%. Như vậy, ta thấy rằng tỷ lệ cán bộ được đánh giá là tốt vẫn còn thấp, một phần lớn cộng đồng dân tộc không biết đến Ban giảm nghèo của xã. Cán bộ xã không thường xuyên xuống thôn bản để làm việc với nhân dân đã có ảnh hưởng tới sự tham gia của cộng đồng vào các hoạt động giảm nghèo.

HỢP 4: Năng lực của cơ sở còn hạn chế

Theo ông Thân Mạnh Hùng Phó trưởng phòng, Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Si Ma Cai: Chương trình xây dựng nông thôn huyện giao cho các xã làm chủ đầu tư toàn bộ việc làm đường giao thông nông thôn và các công trình xây dựng nhỏ, các dự án có quy mô nhỏ. Tuy nhiên, do đội ngũ cán bộ cơ sở có trình độ thấp, không quản lý tốt nên trong quá trình triển khai thực hiện làm đường bê tông xi măng các tuyến đường liên thôn đều bị thiếu vật liệu so với định mức. Do đó, Phòng phải thường xuyên cử cán bộ xuống các xã để chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật cho nhân dân.

2.3. Giải pháp tăng cường sự tham gia của cộng đồng các dân tộc thiểu số trong các hoạt động giảm nghèo

Cải tạo phong tục tập quán lạc hậu: đẩy mạnh thâm canh, nâng cao năng suất các cây trồng vật nuôi. Lựa chọn mô hình cây trồng, vật nuôi có hiệu quả để nhân rộng, có hàng hóa như: dao giêng, nuôi nhốt trâu bò,... để thay đổi tập quán sản xuất lạc hậu của cộng đồng. Quy hoạch sản xuất nông nghiệp hàng hóa, có hướng ổn định rõ ràng. Thu hút các doanh nghiệp đầu tư. Đa dạng tư tưởng của người nông dân để chuyển sang sản xuất hàng hóa, làm giàu. Đồng thời cũng cần vận động bà con tổ chức các lễ cúng, cưới xin, ma chay đơn giản để giảm bớt chi tiêu quá mức. Làm tốt công tác kế hoạch hóa gia đình để giảm tỷ lệ sinh đông con. Phát huy vai trò của già làng, trưởng bản, người có uy tín trong cộng đồng để họ hiểu và vận động người dân tham gia vào giảm nghèo có hiệu quả.

Nâng cao năng lực cho cộng đồng thông qua việc xóa mù chữ, chống tái mù chữ, nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo nghề, tập huấn khuyến nông, xây dựng mô hình trình diễn đơn giản dễ hiểu và phù hợp với từng cộng đồng, cầm tay chỉ việc cho cộng đồng để thực hiện các hoạt động giảm nghèo. Mở các lớp dạy nghề bằng tiếng dân tộc cho những người không biết chữ, dạy các ngành nghề truyền thống cho cộng đồng đặc biệt là phụ nữ như: nghề thêu thổ cẩm, đan lát, nấu rượu để tạo công ăn việc làm cho cộng đồng nhất là phụ nữ để nâng cao thu nhập và nhận thức tránh bị kẻ xấu dụ dỗ bỏ đi Trung Quốc lấy chồng và hạn chế đi Trung Quốc làm thuê.

Nâng cao khả năng tiếp cận nguồn lực cho cộng đồng bằng cách: (1) tăng cường các hoạt động khuyến nông để hỗ trợ đầu vào và sản xuất cho cộng đồng một cách đúng tiến độ và kịp thời, cung cấp thông tin và hướng dẫn cho người dân tiếp cận với các loại giống mới, tiến bộ khoa học kỹ thuật mới đưa vào sản xuất; (2) tạo mọi điều kiện thuận lợi để cộng đồng tiếp cận được với nguồn vốn vay từ Ngân hàng Chính sách xã hội để phát triển sản xuất, ưu tiên bố trí nguồn vốn cho đúng đối tượng và sử dụng vốn có hiệu quả; (3) cho cộng đồng vay vốn Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn để mua giống, phân bón với lãi suất phù hợp và cộng đồng thanh toán khi kết thúc mùa vụ.

Đổi mới cơ chế chính sách cho phù hợp: tạo môi trường thuận lợi cho cộng đồng dân tộc thiểu số, nhất là phụ nữ tham gia đóng góp, thực hiện, theo dõi và giám sát, hưởng lợi cũng như sử dụng và quản lý bảo vệ sản phẩm của các hoạt động này bằng cách: đơn giản hóa thủ tục, hợp thức hóa đóng góp, giảm nhẹ mức đóng góp bằng tiền, huy động đóng góp lao động, vật lực. Công khai minh bạch các thông tin của các hoạt động và trao quyền cho cộng đồng để họ tham gia các hoạt động một cách chủ động. Chính quyền chỉ làm vai trò đầu mối để liên hệ và cung cấp nguyên vật liệu cho các thôn và cộng đồng thực hiện. Cần điều chỉnh mức hỗ trợ theo

hướng; hỗ trợ đủ lớn để thoát nghèo, hỗ trợ có điều kiện, đặc thù và phù hợp với vùng đồng bào dân tộc thiểu số, cho hộ nghèo tránh đầu tư nhỏ lẻ, không hiệu quả. Có chính sách khuyến khích động viên thỏa đáng đối với hộ thoát nghèo.

Tăng cường đào tạo, nâng cao năng lực chuyên môn và kỹ năng quản lý cho đội ngũ cán bộ cơ sở, đặc biệt cán bộ người cộng đồng dân tộc thiểu số. Thường xuyên cử cán bộ xuống thôn bản kiểm tra, giám sát việc thực hiện của cộng đồng để có biện pháp chỉ đạo kịp thời.

3. Kết luận

Việc phát huy sự tham gia của cộng đồng các dân tộc thiểu số ở huyện Si Ma Cai trong các hoạt động giảm nghèo có hiệu quả để giảm nghèo nhanh và bền vững là cần thiết. Nghiên cứu chỉ rõ các tồn tại về sự tham gia của cộng đồng dân tộc thiểu số ở các khâu: xác định nhu cầu, lập kế hoạch, phân cấp đầu tư, triển khai thực hiện, theo dõi giám sát, hưởng lợi và sử dụng quản lý các sản phẩm trong việc thực hiện các hoạt động giảm nghèo; từ đó, xác định các yếu tố ảnh hưởng tới sự tham gia của cộng đồng là: phong tục tập quán lạc hậu, năng lực và khả

năng tiếp cận nguồn lực của cộng đồng hạn chế, cơ chế chính sách chưa phù hợp và năng lực thực thi chính sách của cán bộ cơ sở còn nhiều bất cập, thiếu linh hoạt. Trên cơ sở đó bài viết đã đề xuất giải pháp gồm: cải tạo phong tục tập quán lạc hậu, nâng cao năng lực và khả năng tiếp cận nguồn lực cho cộng đồng, đổi mới cơ chế chính sách cho phù hợp đồng thời tăng cường đào tạo, nâng cao năng lực cho cán bộ cơ sở. Các giải pháp đưa ra để huy động có hiệu quả sự tham gia của cộng đồng các dân tộc thiểu số góp phần giảm nghèo có hiệu quả.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đỗ Kim Chung (2010), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn hỗ trợ giảm nghèo và đầu tư công cho giảm nghèo*, Tạp chí Khoa học và phát triển, tập 8, số 4, tr.708-718, Trường đại học Nông nghiệp Hà Nội.
2. Phạm Bảo Dương (2010), *Một vài suy nghĩ đòi mới cơ chế chính sách xóa đói giảm nghèo*, Tạp chí Kinh tế và dự báo, tháng 8.
3. Bộ Lao động, thương binh và xã hội (2013), *Quyết định số 749/QĐ-LĐTBXH phê duyệt kết quả điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2012*, ban hành ngày 13-5-2013.
4. Huyện ủy Si Ma Cai (2013), *Tình hình công tác nội chính quý I, năm 2013*, Si Ma Cai.